

Số: 646 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Đông Hòa và vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành;

Căn cứ Công văn 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

Căn cứ Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 169 /NQ-UBND ngày 10 /5/2024 của UBND tỉnh về nội dung trình xin ý kiến thành viên UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 166/TTr-SNV ngày 11/4/2024 và đề nghị của UBND thị xã Đông Hòa tại Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 29/02/2024 (gửi kèm theo Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 29/02/2024 của UBND thị xã Đông Hòa).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Đông Hòa, như sau:

**I. Tổng số vị trí việc làm đề nghị phê duyệt:** 158 vị trí, trong đó:

1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 12 vị trí.

2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 124 vị trí.

3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 17 vị trí.

4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 05 vị trí.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)*

## **II. Về cơ cấu ngạch công chức:**

1. Công chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương: 41/51 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 80%.

2. Công chức giữ ngạch Cán sự và tương đương trở xuống: 10/51 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, đạt tỷ lệ 20%.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

**Điều 2.** Phê duyệt 17 vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của thị xã Đông Hòa, như sau:

1. Vị trí việc làm cán bộ cấp xã: 11 vị trí.

2. Vị trí việc làm công chức cấp xã: 06 vị trí.

*(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)*

## **Điều 3.** UBND tỉnh giao UBND thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên:

1. Căn cứ vị trí việc làm để xác định biên chế công chức của các cơ quan trực thuộc, bảo đảm không vượt số biên chế được UBND tỉnh giao; rà soát, điều chỉnh biên chế của từng vị trí việc làm theo lộ trình tinh giản biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2. Căn cứ danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện rà soát, bố trí và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức chưa đáp ứng tiêu chuẩn ngạch công chức, trình độ chuyên môn hoặc giải quyết các trường hợp không phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

3. Đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của vị trí việc làm khi cần thiết.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 05/06/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức thuộc UBND huyện Đông Hòa tỉnh Phú Yên và Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND tỉnh Phú Yên về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND thị xã Đông Hòa và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Mỹ**

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục vị trí việc làm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Đông Hòa**  
(Kèm theo Quyết định số : 646 /QĐ-UBND ngày 10 /5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	<b>12</b>	
1	Chủ tịch HĐND thị xã	1	
2	Chủ tịch UBND thị xã	1	
3	Phó Chủ tịch HĐND thị xã	1	
4	Phó Chủ tịch UBND thị xã	1	
5	Trưởng ban của HĐND thị xã	1	
6	Trưởng phòng	1	
7	Chánh Văn phòng	1	
8	Chánh Thanh tra	1	
9	Phó Trưởng ban của HĐND thị xã	1	
10	Phó Trưởng phòng	1	
11	Phó Chánh Văn phòng	1	
12	Phó Chánh Thanh tra	1	
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành</b>	<b>124</b>	
1	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	1	
2	Chuyên viên về thư ký – biên tập	1	
3	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	1	
4	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	1	
5	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	1	
6	Chuyên viên về thiết bị y tế, công trình y tế	1	
7	Chuyên viên về Dược	1	
8	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	1	
9	Chuyên viên về dân số	1	
10	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	1	
11	Chuyên viên về bảo hiểm y tế	1	
12	Chuyên viên về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	1	
13	Chuyên viên về công tác dân tộc	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
14	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	1	
15	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	1	
16	Chuyên viên về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	1	
17	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	
18	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	1	
19	Chuyên viên về địa giới hành chính	1	
20	Chuyên viên về cải cách hành chính	1	
21	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	1	
22	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	1	
23	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	1	
24	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	1	
25	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và tiếp cận pháp luật	1	
26	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	1	
27	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	1	
28	Chuyên viên về hành chính tư pháp	1	
29	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	1	
30	Chuyên viên về quản lý tài sản công	1	
31	Chuyên viên về quản lý giá	1	
32	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	1	
33	Chuyên viên về quản lý đầu tư	1	
34	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	1	
35	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	1	
36	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	1	
37	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	1	
38	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	1	
39	Chuyên viên về khoáng sản	1	
40	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	1	
41	Chuyên viên về quản lý đất đai	1	
42	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	1	
43	Chuyên viên về môi trường	1	
44	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	1	
45	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
46	Chuyên viên về tài nguyên nước	1	
47	Chuyên viên quản lý báo chí	1	
48	Chuyên viên quản lý phát thanh, truyền hình	1	
49	Chuyên viên quản lý thông tin điện tử	1	
50	Chuyên viên quản lý thông tin đối ngoại	1	
51	Chuyên viên quản lý thông tin cơ sở	1	
52	Chuyên viên quản lý xuất bản	1	
53	Chuyên viên quản lý in	1	
54	Chuyên viên quản lý phát hành	1	
55	Chuyên viên quản lý bưu chính	1	
56	Chuyên viên quản lý viễn thông	1	
57	Chuyên viên quản lý tần số vô tuyến điện	1	
58	Chuyên viên quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; chuyên đổi số)	1	
59	Chuyên viên quản lý giao dịch điện tử	1	
60	Chuyên viên quản lý an toàn thông tin mạng	1	
61	Chuyên viên quản lý di sản văn hóa	1	
62	Chuyên viên quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	1	
63	Chuyên viên quản lý lĩnh vực gia đình	1	
64	Chuyên viên quản lý thể dục thể thao cho mọi người	1	
65	Chuyên viên quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	1	
66	Chuyên viên quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	1	
67	Chuyên viên quản lý chương trình giáo dục	1	
68	Chuyên viên quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	1	
69	Chuyên viên quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	1	
70	Chuyên viên quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	1	
71	Chuyên viên quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục)	1	
72	Chuyên viên quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
73	Chuyên viên quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	1	
74	Chuyên viên về lao động tiền lương	1	
75	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	1	
76	Chuyên viên về bình đẳng giới	1	
77	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	1	
78	Chuyên viên về người có công	1	
79	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	1	
80	Chuyên viên về việc làm	1	
81	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	1	
82	Chuyên viên về giảm nghèo	1	
83	Chuyên viên về trẻ em	1	
84	Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị	1	
85	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	1	
86	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	1	
87	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	1	
88	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	1	
89	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	1	
90	Thanh tra viên về công tác thanh tra	1	
91	Chuyên viên về công tác thanh tra	1	
92	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	
93	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	
94	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
95	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	
96	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
97	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	
98	Chuyên viên quản lý thương mại trong nước	1	
99	Chuyên viên quản lý công nghiệp	1	
100	Chuyên viên quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật	1	
101	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	1	
102	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	1	
103	Chuyên viên về quản lý thủy sản	1	
104	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn	1	
105	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	1	
106	Chuyên viên về phát triển nông thôn	1	
107	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo)	1	
108	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	1	
109	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	1	
110	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	1	
111	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	1	
112	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
113	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
114	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	1	
115	Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái	1	
116	Chuyên viên về quản lý quy hoạch xây dựng	1	
117	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	1	
118	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	1	
119	Chuyên viên về quản lý phát triển đô thị	1	
120	Chuyên viên về quản lý hạ tầng kỹ thuật	1	
121	Chuyên viên về quản lý về nhà ở	1	
122	Chuyên viên về quản lý công sở	1	
123	Chuyên viên về quản lý vật liệu xây dựng	1	
124	Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công tư	1	

<b>TT</b>	<b>Tên vị trí việc làm</b>	<b>Số lượng VTVL</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung</b>	<b>17</b>	
1	Chuyên viên về tổng hợp	1	
2	Chuyên viên về hành chính-văn phòng	1	
3	Văn thư viên	1	
4	Cán sự về lưu trữ	1	
5	Chuyên viên về quản trị công sở	1	
6	Chuyên viên về pháp chế	1	
7	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	1	
8	Kế toán viên	1	
9	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	1	
10	Cán sự thủ quỹ	1	
11	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	
12	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	1	
13	Chuyên viên về thi đua-khen thưởng	1	
14	Chuyên viên về cải cách hành chính	1	
15	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	1	
16	Chuyên viên về tài chính	1	
17	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn thư	1	
<b>IV</b>	<b>Nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ</b>	<b>5</b>	
1	Nhân viên Phục vụ	1	
2	Nhân viên Kỹ thuật	1	
3	Nhân viên Lễ tân	1	
4	Nhân viên Bảo vệ	1	
5	Nhân viên Lái xe	1	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>158</b>	



PHỤ LỤC 2

Cơ cấu ngạch công chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Đông Hòa  
(Kèm theo Quyết định số : 646/QĐ-UBND ngày 10 /5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên cơ quan	Số lượng biên chế được giao năm 2024	Số lượng công chức (không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý)	Ngạch, tỷ lệ cơ cấu ngạch công chức (%)				Ghi chú
				Chuyên viên và tương đương	Tỷ lệ cơ cấu ngạch	Cán sự, nhân viên và tương đương	Tỷ lệ cơ cấu ngạch	
1	Văn phòng HĐND và UBND	19	09	05	9,80%	04	8,00%	
2	Phòng Nội vụ	08	05	04	7,80%	01	2,00%	
3	Phòng Tư pháp	04	02	02	3,90%	00	00%	
4	Phòng Tài chính-Kế hoạch	09	06	05	9,80%	01	2,00%	
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10	06	05	9,80%	01	2,00%	
6	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	07	04	03	5,80%	01	2,00%	
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo	06	03	03	5,80%	00	00%	
8	Phòng Văn hóa và Thông tin	04	02	02	3,90%	00	00%	
9	Thanh tra	06	03	03	5,80%	00	00%	
10	Phòng Kinh tế	08	05	04	7,80%	01	2,00%	
11	Phòng Quản lý đô thị	09	06	05	9,80%	01	2,00%	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>51</b>	<b>41</b>	<b>80%</b>	<b>10</b>	<b>20%</b>	

**PHỤ LỤC 3**

**Vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã của UBND thị xã Đông Hòa**  
(Kèm theo Quyết định số : 646 /QĐ-UBND ngày 10 /5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cán bộ cấp xã</b>	<b>11</b>	
1	Bí thư Đảng ủy	1	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1	
3	Chủ tịch HĐND	1	
4	Phó Chủ tịch HĐND	1	
5	Chủ tịch UBND	1	
6	Phó Chủ tịch UBND	1	
7	Chủ tịch UBMTTQVN	1	
8	Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	
10	Chủ tịch Hội Nông dân	1	
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	
<b>II</b>	<b>Công chức cấp xã</b>	<b>6</b>	
1	Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	1	
2	Văn phòng - Thống kê	1	
3	Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);	1	
4	Tài chính - kế toán	1	
5	Tư pháp - hộ tịch	1	
6	Văn hóa - xã hội cấp xã	1	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>	